NGHỊ ĐỊNH THƯ
VỀ HỢP TÁC ĐÀO TẠO
GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

Căn cứ Thỏa thuận Chiến lược hợp tác giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa (CHXHCN) Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân (CHDCND) Lào giai đoạn 2021-2030 ký ngày 28 tháng 6 năm 2021;

Căn cứ Thỏa thuận giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHDCND Lào về Đề án "Nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác Việt Nam - Lào trong lĩnh vực giáo dục và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2021-2030" ký ngày 06 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Hiệp định về hợp tác song phương giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHDCND Lào giai đoạn 2021-2025 ký ngày 28 tháng 6 năm 2021;

Tiếp nối tinh thần hợp tác tại Nghị định thư về hợp tác đào tạo giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHDCND Lào ký ngày 26 tháng 4 năm 2017;

Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHDCND Lào (sau đây gọi là hai Bên) thỏa thuận như sau:

Điều 1
Nguyên tắc chung

1. Hai Bên giao Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam và Bộ Giáo dục và Thể thao Lào phối hợp với các cơ quan liên quan tích cực triển khai Đề án "Nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác Việt - Lào trong lĩnh vực giáo dục và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2021 - 2030" ký ngày 06 tháng 12 năm 2020 tại Việt Nam.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam và Bộ Giáo dục và Thể thao Lào phối hợp thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 05/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 20/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực giúp Lào;

tăng cường giám sát và hàng năm đánh giá công tác quản lý, sử dụng nguồn nhân lực sau đào tạo.

3. Các hoạt động hợp tác trong khuôn khổ Nghị định thư này tuân thủ quy định pháp luật hiện hành của mỗi Bên và các điều ước quốc tế mà hai nước là thành viên.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam và Bộ Giáo dục và Thể thao Lào là cơ quan quản lý toàn diện lưu học sinh Lào, du học sinh Việt Nam và các đối tượng đào tạo được quy định tại Nghị định thư này.

Điều 2

Giải thích từ ngữ

1. Lưu học sinh Lào là công dân Lào học tập, nghiên cứu tại Việt Nam các trình độ trung học phổ thông, đại học, sau đại học, thực tập và bồi dưỡng ngắn hạn.

2. Du học sinh Việt Nam là công dân Việt Nam học tập, nghiên cứu tại Lào các trình độ đại học, sau đại học, và thực tập tiếng Lào.

3. Lưu học sinh Lào, du học sinh Việt Nam diện Hiệp định được nhận học bổng do ngân sách nhà nước cấp theo kế hoạch hợp tác hàng năm giữa hai Chính phủ Việt Nam và Lào.

4. Lưu học sinh Lào, du học sinh Việt Nam diện ngoài Hiệp định được nhận học bổng từ các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tài trợ theo thỏa thuận hoặc hợp đồng giữa các bên hoặc tự chi trả kinh phí.

Điều 3

Điều kiện về tuổi

1. Độ tuổi quy định cho lưu học sinh Lào và du học sinh Việt Nam diện Hiệp định như sau:

- Bậc Trung học phổ thông: không quá 18 tuổi tính đến ngày nộp hồ sơ.
- Trình độ Đại học: không quá 35 tuổi tính đến ngày nộp hồ sơ.
- Trình độ Thạc sĩ: không quá 40 tuổi tính đến ngày nộp hồ sơ.
- Trình độ Tiến sĩ: Không hạn chế tuổi đối với ứng viên nghiên cứu ngành chính trị - hành chính và không quá 45 tuổi đối với các ngành khác tính đến ngày nộp hồ sơ.
- Các khóa bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn không quá 50 tuổi tính đến ngày nộp hồ sơ.

2. Độ tuổi quy định đối với lưu học sinh Lào và du học sinh Việt Nam diện ngoài Hiệp định thực hiện theo yêu cầu của cơ sở đào tạo, các tổ chức, cá nhân tài trợ học bổng.

Điều 4

Điều kiện về sức khỏe

1. Lưu học sinh Lào sang học tập tại Việt Nam và du học sinh Việt Nam sang học tập tại Lào phải có đủ sức khỏe theo quy định hiện hành của mỗi Bên.

2. Trước khi nhập học, người học phải kiểm tra sức khỏe, nếu phát hiện mắc bệnh truyền nhiễm, bệnh xã hội, dương tính với chất ma túy, nữ sinh có thai, Bộ Giáo dục hai nước sẽ trao đổi thông qua đường ngoại giao để đưa người học về nước theo điều kiện thực tế.

3. Trong thời gian học tập, người học được hưởng chế độ bảo hiểm y tế và chăm sóc sức khỏe theo quy định hiện hành của Việt Nam và Lào.

Điều 5

Yêu cầu về hồ sơ

1. Hồ sơ dự tuyển của lưu học sinh Lào đi học tại Việt Nam các diện học bổng trong và ngoài Hiệp định phải được lập thành 03 bộ (01 bộ bằng tiếng Lào và 02 bộ bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh). Hồ sơ dự tuyển bao gồm:

- Phiếu đăng ký dự tuyển;

- Sơ yếu lý lịch có dán ảnh 4×6 (ảnh chụp không quá 06 tháng);

- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp, theo quy định hiện hành của mỗi Bên;

- Chứng thực bản sao từ bản chính giấy khai sinh;

- Chứng thực bản sao từ bản chính bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc tương đương kèm theo bảng điểm (đối với ứng viên trung học phổ thông);

- Chứng thực bản sao từ bản chính bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương kèm theo bảng điểm (đối với ứng viên đại học);

- Chứng thực bản sao từ bản chính bằng tốt nghiệp và bảng điểm đại học hoặc tương đương (đối với ứng viên học thạc sỹ);

- Chứng thực bản sao từ bản chính bằng tốt nghiệp và bảng điểm thạc sỹ và đề cương nghiên cứu (đối với ứng viên nghiên cứu sinh).

2. Hồ sơ dự tuyển của du học sinh Việt Nam đi học tại Lào các diện học bổng trong và ngoài Hiệp định phải được lập thành 03 bộ (01 bộ bằng tiếng Việt và 02 bộ bằng tiếng Lào hoặc tiếng Anh). Hồ sơ dự tuyển thực hiện theo Nghị

định số 86/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật và theo quy định của phía Lào.

Điều 6

Công tác tuyển chọn lưu học sinh Lào và du học sinh Việt Nam

1. Công tác tuyển chọn lưu học sinh Lào sang học tập tại Việt Nam và du học sinh Việt Nam sang học tập tại Lào diện Hiệp định được thực hiện theo Kế hoạch hợp tác hằng năm giữa Chính phủ hai nước và Kế hoạch hợp tác hằng năm giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam và Bộ Giáo dục và Thể thao Lào.

2. Lưu học sinh Lào, du học sinh Việt Nam có nhiều thành tích trong học tập, tích cực hoạt động phong trào và có kết quả tốt nghiệp đạt loại giỏi trở lên, được ưu tiên xét chuyển tiếp học bậc cao hơn nếu được Bên cử đi học đồng ý đưa vào chỉ tiêu kế hoạch đào tạo của năm tiếp theo.

3. Bên cử đi đào tạo chuyển danh sách và hồ sơ của ứng viên cho Bên tiếp nhận ít nhất 01 tháng trước ngày khai giảng khóa học.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam và Bộ Giáo dục và Thể thao Lào là cơ quan hướng dẫn thủ tục nộp hồ sơ, tiếp nhận, kiểm tra tính xác thực của hồ sơ, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xét, duyệt hồ sơ và làm quyết định gửi về các cơ sở đào tạo theo chuyên ngành đã đăng ký.

5. Căn cứ quy định hiện hành, các thông báo tuyển sinh của hai Bộ Giáo dục diện Hiệp định, các cơ sở giáo dục Việt Nam và Lào chủ động xây dựng tiêu chí tuyển sinh lưu học sinh Lào, du học sinh Việt Nam diện ngoài Hiệp định và chỉ tiếp nhận khi có đủ điều kiện nhập học theo quy định hiện hành của mỗi Bên.

Điều 7

Điều kiện học tập đối với lưu học sinh Lào

1. Tất cả lưu học sinh Lào sang học tập tại Việt Nam diện Hiệp định và ngoài Hiệp định đều phải có Quyết định cử đi học của Bộ Giáo dục và Thể thao Lào.

2. Lưu học sinh Lào nếu chưa biết tiếng Việt phải học dự bị tiếng Việt tại Lào (04) bốn tháng trước khi sang Việt Nam học tiếng Việt nâng cao trong thời gian tối đa (01) một năm học. Đối với lưu học sinh diện Hiệp định chi phí học dự bị tiếng Việt tại Lào được hỗ trợ từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Việt Nam dành cho Chính phủ Lào hằng năm.

3. Lưu học sinh Lào sang học tập tại Việt Nam cần học bằng tiếng Việt

(nếu đạt trình độ tiếng Việt bậc 4 trở lên theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài). Lưu học sinh Lào có thể đăng ký học bằng tiếng Anh tại các chương trình phù hợp (nếu đạt trình độ tiếng Anh từ bậc 4 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương).

4. Hằng năm, Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam và Bộ Giáo dục và Thể thao Lào thông báo rộng rãi về các đơn vị được tổ chức thi và cấp chứng chỉ tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dành cho người nước ngoài.

5. Lưu học sinh Lào phải học tất cả các môn học theo chương trình đào tạo của ngành học đăng ký đang được triển khai tại các cơ sở giáo dục đào tạo của Việt Nam (trừ môn học quốc phòng, an ninh).

6. Các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, sinh viên Lào được học thông qua phiên dịch.

7. Lưu học sinh Lào bậc trung học phổ thông:

- Thi tốt nghiệp trung học phổ thông được cộng điểm ưu tiên như học sinh trung học phổ thông Việt Nam thuộc diện 3 theo Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam;

- Trong quá trình học chương trình trung học phổ thông, lưu học sinh Lào diện Hiệp định được phép kéo dài thời gian học tập và được cấp kinh phí tối đa 12 tháng. Nếu quá thời gian trên, lưu học sinh phải tự chịu trách nhiệm mọi chi phí phát sinh.

8. Lưu học sinh Lào học đại học, thạc sĩ, tiến sĩ:

- Đối với các ngành nghệ thuật, kiến trúc, mỹ thuật, xiếc và thể thao tại Việt Nam đều phải qua kiểm tra năng khiếu do Bộ Giáo dục và Thể thao Lào tổ chức.

- Sau khi hoàn thành chương trình học dự bị tiếng, lưu học sinh Lào phải tham dự kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Việt nếu đạt yêu cầu (đạt trình độ tiếng Việt bậc 4 trở lên theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài) sẽ được vào học tại các cơ sở đào tạo của Việt Nam. Trong trường hợp không đạt yêu cầu về trình độ tiếng Việt, lưu học sinh được phép học lại tối đa không quá 12 tháng và phải tự chịu trách nhiệm về mọi chi phí phát sinh trong thời gian học lại tiếng Việt.

- Đối với lưu học sinh Lào học đại học diện Hiệp định: được phép kéo dài thời gian học tập và được cấp kinh phí tối đa 12 tháng.

- Đối với lưu học sinh Lào học thạc sĩ diện Hiệp: định được phép kéo dài thời gian học tập và được cấp kinh phí tối đa 06 tháng.

- Đối với lưu học sinh Lào học tiến sĩ diện Hiệp định: được phép kéo dài thời gian học tập và được cấp kinh phí tối đa 12 tháng.

Điều 8

Điều kiện học tập đối với du học sinh Việt Nam

1. Du học sinh Việt Nam sang học tập tại Lào phải học bằng tiếng Lào. Nếu chưa biết tiếng Lào phải học dự bị tiếng Lào tại Lào (01) một năm học. Du học sinh diện Hiệp định được hỗ trợ kinh phí từ Chính phủ Lào và cấp bù sinh hoạt phí, phí đi lại của Chính phủ Việt Nam theo quy định.

2. Du học sinh Việt Nam sau khi hoàn thành chương trình học dự bị tiếng Lào (đạt trung bình chung từ 3.0 theo thang điểm 4.0 của phía Lào trở lên) sẽ được vào học chuyên ngành tại các cơ sở đào tạo của Lào. Trong trường hợp không đạt yêu cầu về trình độ tiếng Lào, du học sinh được phép học lại tối đa không quá 12 tháng và phải tự chịu trách nhiệm về mọi chi phí phát sinh trong thời gian học lại tiếng Lào.

3. Trong quá trình đào tạo, các cơ sở đào tạo cần xây dựng chương trình đào tạo bổ sung kiến thức tiếng Lào chuyên ngành cho du học sinh Việt Nam.

4. Du học sinh Việt Nam phải học tất cả các môn học theo chương trình đào tạo đang được triển khai tại các cơ sở giáo dục đào tạo của Lào (trừ môn học quốc phòng, an ninh).

Điều 9

Quyền lợi và nghĩa vụ của người học

1. Tất cả lưu học sinh Lào học tập tại Việt Nam và du học sinh Việt Nam học tập tại Lào có quyền như sau:

- Bình đẳng về học tập như đối với công dân nước sở tại trừ môn học quốc phòng, an ninh;
- Tham gia mọi hoạt động hợp pháp theo quy định của nước sở tại;
- Hưởng mọi quyền lợi theo quy định hiện hành của nước sở tại.

2. Nghĩa vụ của lưu học sinh Lào và du học sinh Việt Nam:

- Phải đăng ký trực tuyến trên hệ thống quản lý của Bộ Giáo dục hai nước trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày nhập học;
- Tuân thủ pháp luật và phong tục tập quán của nước sở tại;
- Thực hiện nghiêm túc các quy định của cơ sở đào tạo;
- Thực hiện nghiêm túc các quy định của ký túc xá và nơi cư trú;
- Góp phần tăng cường tình hữu nghị vĩ đại, đoàn kết đặc biệt, hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào và tình hữu nghị quốc tế.

Điều 10

Một số thỏa thuận khác

1. Hai Bên thống nhất đưa môn lịch sử mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam thành môn học (có thể là môn tự chọn) hoặc học theo chuyên đề, trải nghiệm ở các bậc học, các trường học tại Việt Nam và Lào.

2. Hai Bên tiếp tục đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ học tập và sinh hoạt của người học phù hợp với khả năng ngân sách của mỗi Bên.

3. Hai Bên thống nhất tiếp tục cử giáo viên Việt Nam sang giảng dạy tiếng Việt cho cán bộ các Bộ, ngành và học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục của Lào. Phía Lào chủ động phối hợp với phía Việt Nam trong việc đào tạo giáo viên dạy tiếng Việt để từng bước thay thế các giáo viên Việt Nam.

4. Hai Bên tiếp tục triển khai chương trình dạy song ngữ Lào - Việt tại Trường Song ngữ Nguyễn Du, Thủ đô Viêng Chăn và các trường phổ thông của Lào có nhu cầu và đủ điều kiện thực hiện.

5. Hai Bên đồng ý coi môn tiếng Việt là môn ngoại ngữ tự chọn thứ 2, được tổ chức dạy - học phù hợp theo điều kiện thực tế tại các cơ sở giáo dục của Lào, từng bước xem xét tiếng Việt là môn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông khi đủ các điều kiện thực hiện.

6. Hai bên thống nhất sử dụng bộ sách dạy tiếng Việt do Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam biên soạn giai đoạn 2017 - 2021 tại tất cả các cơ sở giáo dục có dạy tiếng Việt tại Lào.

7. Hai Bên đồng ý tạo điều kiện thuận lợi cho con em người gốc Việt Nam định cư ở Lào có đủ điều kiện sang học tập tại Việt Nam như đối với học sinh Lào.

Điều 11

Giải quyết Sự bất đồng

Mọi sự bất đồng phát sinh trong quá trình triển khai được thực hiện, được giải quyết bằng thương lượng giữa hai bên.

Điều 12

Điều khoản cuối cùng

1. Nghị định thư hợp tác này có hiệu lực trong thời hạn 05 năm kể từ ngày ký. Nghị định thư có thể được sửa đổi, bổ sung theo sự thỏa thuận giữa hai Bên. Văn bản sửa đổi, bổ sung là một phần không tách rời của Nghị định thư.

2. Trong trường hợp Nghị định thư hết hiệu lực, các hoạt động hợp tác đang được triển khai trong khuôn khổ Nghị định thư vẫn tiếp tục được diễn ra cho đến khi các hoạt động này kết thúc.

3. Mỗi Bên có thể thông báo ý định về việc chấm dứt hiệu lực của Nghị định thư bằng cách thông báo cho Bên kia bằng văn bản qua đường ngoại giao trước 06 (sáu) tháng.

4. Làm tại Thủ đô Viêng Chăn, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, ngày.11..tháng 01 năm 2023, thành 02 bản gốc, bằng tiếng Việt và tiếng Lào, các văn bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI** **CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**	**THAY MẶT CHÍNH PHỦ** **NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ** **NHÂN DÂN LÀO**
NGUYỄN KIM SƠN **Bộ trưởng, Bộ Giáo dục và Đào tạo**	**PHOUT SIMMALAVONG** **Bộ trưởng, Bộ Giáo dục và Thể thao**

ອະນຸສັນຍາ
ວ່າດ້ວຍ ການຮ່ວມມືກໍ່ສ້າງບຸກຄະລາກອນ
ລະຫວ່າງ
ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ
ແລະ
ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ

ອີງຕາມ ຂໍ້ຕົກລົງກ່ຽວກັບຍຸດທະສາດການຮ່ວມມື ລະຫວ່າງ ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ (ສປປ ລາວ) ແລະ ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ (ສສ. ຫວຽດນາມ) ໄລຍະປີ 2021 - 2030 ລົງນາມຮ່ວມກັນວັນທີ 28 ມິຖຸນາ 2021;

ອີງຕາມ ຂໍ້ຕົກລົງ ລະຫວ່າງ ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ ແລະ ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ ກ່ຽວກັບ ໂຄງການ "ຍົກສູງຄຸນນະພາບ ແລະ ປະສິດທິຜົນໃນການຮ່ວມມື ລາວ-ຫວຽດນາມ ໃນຂົງເຂດການສຶກສາ ແລະ ພັດທະນາຊັບພະຍາກອນມະນຸດ ໄລຍະປີ 2021 - 2030" ລົງນາມຮ່ວມກັນວັນທີ 06 ທັນວາ 2020;

ອີງຕາມ ສັນຍາ ວ່າດ້ວຍ ການຮ່ວມມືທະວິພາຄີ ລະຫວ່າງ ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ ແລະ ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມຫວຽດນາມ ໄລຍະປີ 2021-2025 ລົງນາມຮ່ວມກັນວັນທີ 28 ມິຖຸນາ 2021;

ສືບຕໍ່ຈິດໃຈການຮ່ວມມືທີ່ລະບຸໄວ້ໃນອະນຸສັນຍາຮ່ວມມືການກໍ່ສ້າງຊັບພະຍາກອນມະນຸດ ລະຫວ່າງ ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ ແລະ ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ, ລົງນາມຮ່ວມກັນວັນທີ 26 ເມສາ 2017;

ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ ແລະ ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມຫວຽດນາມ (ຕໍ່ໄປນີ້ເອີ້ນວ່າ "ສອງຝ່າຍ") ໄດ້ຕົກລົງດັ່ງນີ້:

ມາດຕາ 1
ຫຼັກການລວມ

1. ສອງຝ່າຍ ໄດ້ມອບໃຫ້ກະຊວງສຶກສາທິການ ແລະ ກິລາ ແຫ່ງ ສປປ ລາວ ແລະ ກະຊວງສຶກສາ ແລະ ກໍ່ສ້າງ ແຫ່ງ ສສ. ຫວຽດນາມ ປະສານສົມທົບກັບບັນດາພາກສ່ວນກ່ຽວຂ້ອງ ຈັດຕັ້ງຜັນຂະຫຍາຍໂຄງການ "ຍົກສູງຄຸນນະພາບ ແລະ ປະສິດທິຜົນໃນການຮ່ວມມື ລະຫວ່າງ ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ ແລະ ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ ໃນຂົງເຂດ ການສຶກສາ ແລະ ພັດທະນາຊັບພະຍາກອນມະນຸດ ໄລຍະປີ 2021-2030" ລົງນາມຮ່ວມກັນໃນວັນທີ 06 ທັນວາ 2020 ທີ່ ສສ. ຫວຽດນາມ.

2. ກະຊວງສຶກສາທິການ ແລະ ກິລາ ແຫ່ງ ສປປ ລາວ ແລະ ກະຊວງສຶກສາ ແລະ ກໍ່ສ້າງ ແຫ່ງ ສສ. ຫວຽດນາມ ປະສານສົມທົບ, ຈັດຕັ້ງປະຕິບັດຢ່າງເຂັ້ມງວດ ກ່ຽວກັບຄຳສັ່ງເລກທີ 33/CT-TTg, ລົງວັນທີ 05 ພະຈິກ 2014 ຂອງນາຍົກລັດຖະມົນຕີ, ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ ແລະ ຄຳສັ່ງເລກທີ 08/ນຍ, ລົງວັນທີ 20 ກຸມພາ 2014 ຂອງນາຍົກລັດຖະມົນຕີ, ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນ ລາວ ໃນວຽກງານຍົກສູງຄຸນນະພາບການກໍ່ສ້າງບຸກຄະລາກອນໃຫ້ແກ່ລາວ, ເພີ່ມທະວີການຕິດຕາມ ກວດກາ ປະເມີນຜົນ, ສະຫຼຸບຕີລາຄາການຄຸ້ມຄອງນັກສຶກສາ ແລະ ການນຳໃຊ້ຊັບພະຍາກອນມະນຸດ ທີ່ໄດ້ສ້າງມາ.

3. ບັນດາກິດຈະກຳການຮ່ວມມືໃນຂອບອະນຸສັນຍານີ້ ປະຕິບັດຕາມກົດໝາຍທີ່ນຳໃຊ້ໃນປັດຈຸບັນຂອງ ແຕ່ລະປະເທດ ແລະ ຂໍ້ກຳນົດຂອງສາກົນ ຊຶ່ງທັງສອງປະເທດເປັນສະມາຊິກ.

4. ກະຊວງສຶກສາທິການ ແລະ ກິລາ ແຫ່ງ ສປປ ລາວ ແລະ ກະຊວງສຶກສາ ແລະ ກໍ່ສ້າງ ແຫ່ງ ສສ. ຫວຽດນາມ ເປັນເຈົ້າການໃນການຄຸ້ມຄອງທັງໝົດນັກສຶກສາລາວ, ນັກສຶກສາຫວຽດນາມ ແລະ ທຸກປະເພດ ການກໍ່ສ້າງທີ່ໄດ້ກຳນົດໃນອະນຸສັນຍາສະບັບນີ້.

ມາດຕາ 2
ຄວາມໝາຍຄຳສັບ

1. ນັກສຶກສາລາວ ແມ່ນໝາຍເຖິງ ປະຊາຊົນລາວທີ່ສຶກສາ, ຄົ້ນຄວ້າ ຢູ່ ສສ. ຫວຽດນາມ ລະດັບສາມັນ , ມະຫາວິທະຍາໄລ, ຫຼັງມະຫາວິທະຍາໄລ ແລະ ຝຶກອົບຮົມໄລຍະສັ້ນ.

2. ນັກສຶກສາຫວຽດນາມ ແມ່ນໝາຍເຖິງ ປະຊາຊົນຫວຽດນາມທີ່ສຶກສາ, ຄົ້ນຄວ້າ ຢູ່ ສປປ ລາວ ລະດັບມະຫາວິທະຍາໄລ, ຫຼັງມະຫາວິທະຍາໄລ ແລະ ຝຶກອົບຮົມພາສາລາວ.

3. ນັກສຶກສາລາວ, ນັກສຶກສາຫວຽດນາມ ທຶນລັດຖະບານ ແມ່ນໄດ້ຮັບທຶນການສຶກສາທີ່ນຳໃຊ້ ງົບປະມານຂອງປະເທດ ຕາມແຜນການຮ່ວມມືປະຈຳປີ ລະຫວ່າງ ສອງລັດຖະບານ ລາວ-ຫວຽດນາມ.

4. ນັກສຶກສາລາວ, ນັກສຶກສາຫວຽດນາມ ນອກທຶນລັດຖະບານ ທີ່ໄດ້ຮັບທຶນການສຶກສາຈາກບັນດາ ກະຊວງ, ອົງການ, ທ້ອງຖິ່ນ, ທຸລະກິດ, ອົງການຈັດຕັ້ງ, ນິຕິບຸກຄົນ ປະຕິບັດການໃຫ້ທຶນຕາມສັນຍາ ລະຫວ່າງ ສອງຝ່າຍ ຫຼື ຮັບຜິດຊອບຄ່າໃຊ້ຈ່າຍດ້ວຍຕົນເອງ.

ມາດຕາ 3
ເງື່ອນໄຂການກຳນົດອາຍຸ

1. ການກຳນົດອາຍຸສຳລັບນັກສຶກສາລາວ ແລະ ນັກສຶກສາຫວຽດນາມ ທີ່ໄດ້ຮັບທຶນລັດຖະບານ ມີດັ່ງນີ້:

- ມັດທະຍົມຕອນປາຍ: ອາຍຸບໍ່ເກີນ 18 ປີ, ນັບແຕ່ມື້ປະກອບເອກະສານ.
- ປະລິນຍາຕີ : ອາຍຸບໍ່ເກີນ 35 ປີ, ນັບແຕ່ມື້ປະກອບເອກະສານ.
- ປະລິນຍາໂທ : ອາຍຸບໍ່ເກີນ 40 ປີ, ນັບແຕ່ມື້ປະກອບເອກະສານ.
- ປະລິນຍາເອກ: ສຳລັບນັກສຶກສາຂະແໜງການເມືອງ - ການປົກຄອງແມ່ນບໍ່ກຳນົດອາຍຸ ແລະ ສຳລັບ ຂະແໜງອື່ນໆແມ່ນກຳນົດອາຍຸບໍ່ເກີນ 45 ປີ, ນັບແຕ່ມື້ປະກອບເອກະສານ.

- ສຳລັບຜູ້ຝຶກອົບຮົມ ແລະ ຝຶກງານແມ່ນອາຍຸບໍ່ກາຍ 50 ປີ, ນັບແຕ່ມື້ປະກອບເອກະສານ

2. ການກຳນົດອາຍຸສຳລັບນັກສຶກສາລາວ ແລະ ນັກສຶກສາຫວຽດນາມ ນອກທຶນລັດຖະບານ ປະຕິບັດຕາມການກຳນົດຂອງສະຖານການສຶກສາ, ການຈັດຕັ້ງ, ບຸກຄົນທີ່ໃຫ້ທຶນ.

ມາດຕາ 4
ເງື່ອນໄຂດ້ານສຸຂະພາບ

1. ນັກສຶກສາລາວ ທີ່ໄປຮຽນຢູ່ ສສ. ຫວຽດນາມ ແລະ ນັກສຶກສາຫວຽດນາມ ທີ່ມາຮຽນຢູ່ ສປປ ລາວ ຕ້ອງມີສຸຂະພາບແຂງແຮງຕາມກົດລະບຽບທີ່ນຳໃຊ້ປັດຈຸບັນຂອງແຕ່ລະປະເທດ.

2. ກ່ອນເຂົ້າຮຽນນັກສຶກສາທຸກຄົນ ຕ້ອງໄດ້ຮັບການກວດສຸຂະພາບ, ຖ້າພົບເຫັນນັກສຶກສາ ມີພະຍາດຕິດແປດຊ້ຳເຮື້ອ, ພະຍາດສັງຄົມ, ກວດພົບສານເສບຕິດ, ແມ່ຍິງຖືພາ ກະຊວງສຶກສາທັງສອງປະເທດຈະປຶກສາຫາລືຜ່ານການທູດເພື່ອຈັດສົ່ງນັກສຶກສາກັບປະເທດຕາມເງື່ອນໄຂຕົວຈິງ.

3. ໄລຍະສຶກສາຢູ່ນັ້ນ ນັກສຶກສາມີສິດໄດ້ຮັບປະກັນສຸຂະພາບ ແລະ ດູແລປິ່ນປົວສຸຂະພາບຕາມການກຳນົດທີ່ບັງຄັບໃຊ້ໃນປັດຈຸບັນຂອງລາວ ແລະ ຫວຽດນາມ.

ມາດຕາ 5
ການປະກອບເອກະສານ

1. ເອກະສານສະໝັກທຶນຂອງນັກສຶກສາລາວໄປຮຽນຢູ່ ສສ. ຫວຽດນາມ ດ້ວຍທຶນລັດຖະບານ ແລະ ນອກທຶນລັດຖະບານ ຕ້ອງປະກອບເປັນ 3 ຊຸດ (ພາສາລາວ 1 ຊຸດ ແລະ ພາສາຫວຽດ ຫຼື ພາສາອັງກິດ 2 ຊຸດ), ເອກະສານປະກອບມີ:

- ແບບຟອມສະໝັກ;
- ປະຫວັດຫຍໍ້ພ້ອມຕິດຮູບຂະໜາດ 4x6 (ຮູບຖ່າຍບໍ່ເກີນ 6 ເດືອນ);
- ໃບຢັ້ງຢືນສຸຂະພາບຈາກໂຮງໝໍແຂວງ ຫຼື ສູນກາງອອກໃຫ້ ຕາມກົດລະບຽບຂອງແຕ່ລະປະເທດ;
- ສຳເນົາໃບແຈ້ງເກີດ;
- ສຳເນົາປະກາສະນີຍະບັດ ພ້ອມໃບຄະແນນຈົບຊັ້ນມັດທະຍົມຕອນຕົ້ນ ຫຼື ທຽບເທົ່າ (ສຳລັບຊັ້ນມັດທະຍົມຕອນປາຍ)
- ສຳເນົາປະກາສະນີຍະບັດ ພ້ອມໃບຄະແນນຈົບ ມ.7 ຫຼື ທຽບເທົ່າ (ສຳລັບປະລິນຍາຕີ)
- ສຳເນົາປະກາສະນີຍະບັດ ພ້ອມໃບຄະແນນຈົບປະລິນຍາຕີ ຫຼື ທຽບເທົ່າ (ສຳລັບປະລິນຍາໂທ)
- ສຳເນົາປະກາສະນີຍະບັດ ພ້ອມໃບຄະແນນຈົບປະລິນຍາໂທ ແລະ ໂຄງຮ່າງຄົ້ນຄວ້າ (ສຳລັບຄົ້ນຄວ້າປະລິນຍາເອກ).

2. ເອກະສານສະໝັກທຶນຂອງນັກສຶກສາຫວຽດນາມມາຮຽນຢູ່ ສປປ ລາວ ດ້ວຍທຶນລັດຖະບານ ແລະ ນອກທຶນລັດຖະບານ ຕ້ອງປະກອບເປັນ 3 ຊຸດ (ພາສາຫວຽດ 1 ຊຸດ ແລະ ພາສາລາວ ຫຼື ພາສາອັງກິດ 2 ຊຸດ) ເອກະສານສະໝັກທຶນປະຕິບັດຕາມດຳລັດເລກທີ 86/2021/ND-CP, ລົງວັນທີ 25 ກັນຍາ 2021 ຂອງລັດຖະບານ ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ, ວ່າດ້ວຍລະບຽບການສຳລັບປະຊາຊົນ

ຫວຽດນາມໄປສຶກສາ, ສິດສອນ, ຄົ້ນຄວ້າວິທະຍາສາດ ແລະ ແລກປ່ຽນວິຊາການທີ່ຕ່າງປະເທດ ແລະ ຕາມ ລະບຽບການຂອງລາວ.

ມາດຕາ 6
ການຄັດເລືອກນັກສຶກສາລາວ ແລະ ນັກສຶກສາຫວຽດນາມ

1. ການຄັດເລືອກນັກສຶກສາລາວ ໄປຮຽນທີ່ ສສ. ຫວຽດນາມ ແລະ ການຄັດເລືອກນັກສຶກສາ ຫວຽດນາມ ມາຮຽນທີ່ ສປປ ລາວ ດ້ວຍທຶນລັດຖະບານແມ່ນປະຕິບັດຕາມແຜນການຮ່ວມມືປະຈຳປີ ລະຫວ່າງ ລັດຖະບານສອງປະເທດ ແລະ ແຜນຮ່ວມມືປະຈຳປີ ລະຫວ່າງ ກະຊວງສຶກສາທິການ ແລະ ກິລາ ແຫ່ງ ລາວ ແລະ ກະຊວງສຶກສາ ແລະ ກໍ່ສ້າງ ແຫ່ງ ສສ. ຫວຽດນາມ.

2. ນັກສຶກສາລາວ, ນັກສຶກສາຫວຽດນາມທີ່ມີຜົນການຮຽນດີ-ເກັ່ງ, ປະກອບສ່ວນເຄື່ອນໄຫວກິດຈະກຳ ແລະ ມີຜົນການສອບເສັງໃນລະດັບເກັ່ງຂຶ້ນໄປ ຈະໄດ້ຮັບບຸລິມະສິດຄັດເລືອກໃຫ້ທຶນການສຶກສາໃນລະດັບ ສູງຂຶ້ນ ຖ້າໄດ້ຮັບການເຫັນດີຈາກຝ່າຍສົ່ງ ເພື່ອບັນຈຸເຂົ້າໃນເປົ້າໝາຍແຜນການກໍ່ສ້າງໃນປີຕໍ່ໄປ.

3. ຝ່າຍສົ່ງນຳສົ່ງບັນຊີລາຍຊື່ ແລະ ເອກະສານໃຫ້ຝ່າຍຮັບຊ້ຳສຸດແມ່ນກ່ອນມື້ເປີດຊຸດຮຽນ 01 ເດືອນ.

4. ກົມກິດຈະການນັກສຶກສາ, ກະຊວງສຶກສາທິການ ແລະ ກິລາ ແຫ່ງ ສປປ ລາວ ກັບ ກົມຮ່ວມມື ສາກົນ ກະຊວງສຶກສາ ແລະ ກໍ່ສ້າງ ແຫ່ງ ສສ. ຫວຽດນາມ ແມ່ນພາກສ່ວນທີ່ເປັນເຈົ້າການ, ແນະນ□າການ ປະກອບເອກະສານ, ກວດກາຄວາມຖືກຕ້ອງຂອງເອກະສານ, ເປັນເຈົ້າການປະສານສົມທົບກັບພາກສ່ວນ ກ່ຽວຂ້ອງກວດກາເອກະສານ, ອອກຂໍ້ຕົກລົງສົ່ງໄປຍັງສະຖານການສຶກສາຕາມຂະແໜງການທີ່ນັກສຶກສາ ຮຽນ.

5. ອີງຕາມຂໍ້ກຳນົດທີ່ບັງຄັບໃຊ້ໃນປັດຈຸບັນ, ບັນດາສະຖານການສຶກສາຂອງຫວຽດນາມ ແລະ ລາວ ຕ້ອງເປັນເຈົ້າການໃນການກຳນົດຂັ້ນຕອນ, ກົດລະບຽບ, ມາດຖານໃນການຄັດເລືອກນັກສຶກສາ ແລະ ຮັບ ສະເພາະນັກສຶກສາທີ່ມີເງື່ອນໄຂຄົບຖ້ວນຕາມມາດຖານປັດຈຸບັນຂອງແຕ່ລະປະເທດ.

ມາດຕາ 7
ເງື່ອນໄຂການສຶກສາສຳລັບນັກສຶກສາລາວ

1. ນັກສຶກສາລາວທຸກຄົນໄປຮຽນທີ່ ສສ. ຫວຽດນາມ ດ້ວຍທຶນລັດຖະບານ ແລະ ນອກທຶນລັດຖະບານ ຕ້ອງມີຂໍ້ຕົກລົງຂອງກະຊວງສຶກສາທິການ ແລະ ກິລາ.

2. ນັກສຶກສາລາວ ທີ່ບໍ່ຮູ້ພາສາຫວຽດຕ້ອງໄດ້ຮຽນກຽມພາສາຫວຽດຂັ້ນພື້ນຖານຢູ່ລາວ 4 ເດືອນ ກ່ອນ ຈະເດີນທາງໄປກຽມພາສາຫວຽດຢູ່ຫວຽດນາມຕື່ມອີກ 1 ສົກຮຽນ. ງົບປະມານຮຽນກຽມພາສາຫວຽດຂັ້ນ ພື້ນຖານຢູ່ລາວ ນຳໃຊ້ງົບປະມານຊ່ວຍເຫຼືອລ້າຈາກລັດຖະບານຫວຽດນາມໃຫ້ລັດຖະບານລາວ ໃນແຕ່ລະປີ.

3. ນັກສຶກສາລາວໄປຮຽນທີ່ ສສ. ຫວຽດນາມ ຕ້ອງຮຽນດ້ວຍພາສາຫວຽດ (ຖ້າຜ່ານລະດັບພາສາ ຫວຽດຂັ້ນ 4 ຂຶ້ນໄປຕາມຂັ້ນລະດັບພາສາຫວຽດສ□າລັບຄົນຕ່າງປະເທດ). ນັກສຶກສາລາວສາມາດ ລົງທະບຽນຮຽນດ້ວຍພາສາອັງກິດຕາມຫຼັກສູດທີ່ເໝາະສົມ (ຖ້າຜ່ານລະດັບພາສາອັງກິດຂັ້ນ 4 ຂຶ້ນໄປຕາມ ຂັ້ນລະດັບພາສາອັງກິດ 6 ຂັ້ນສຳລັບຄົນຫວຽດນາມ ຫຼື ທຽບເທົ່າ)

4. ແຕ່ລະປີ, ກະຊວງສຶກສາທິການ ແລະ ກິລາ ສປປ ລາວ ແລະ ກະຊວງສຶກສາ ແລະ ກໍ່ສ້າງ ສສ ຫວຽດນາມ ແຈ້ງໃຫ້ບັນດາພາກສ່ວນກ່ຽວຂ້ອງຈັດຕັ້ງການສອບເສັງ ແລະ ອອກໃບຢັ້ງຢືນພາສາຫວຽດຕາມມາດຖານຂັ້ນລະດັບພາສາຫວຽດສຳລັບຄົນຕ່າງປະເທດ.

5. ນັກສຶກສາລາວຕ້ອງຮຽນທຸກວິຊາຮຽນທີ່ມີໃນຫຼັກສູດຂອງຂະແໜງການທີ່ລົງທະບຽນຮຽນຂອງບັນດາສະຖານການສຶກສາຂອງຫວຽດນາມ (ຍົກເວັ້ນວິຊາການທະຫານ).

6. ບັນດາຊຸດຝຶກອົບຮົມໄລຍະສັ້ນຕາມຫົວຂໍ້ສະເພາະໃຫ້ແກ່ພະນັກງານ, ນັກສຶກສາ ແມ່ນຮຽນຜ່ານການແປພາສາ.

7. ນັກຮຽນລາວທີ່ຮຽນລະດັບສາມັນ:

- ເສັງຈົບຊັ້ນສາມັນຈະໄດ້ບວກເພີ່ມຄະແນນບຸລິມະສິດຄືກັບນັກຮຽນສາມັນປະເພດ 3 ຂອງ ຫວຽດນາມ ຕາມລະບຽບການເສັງຈົບຊັ້ນມັດທະຍົມຕອນຕົ້ນຂອງກະຊວງສຶກສາ ແລະ ກໍ່ສ້າງ ແຫ່ງ ສສ. ຫວຽດນາມ;

- ໃນໄລຍະການຮຽນສາມັນ, ນັກຮຽນລາວທຶນລັດຖະບານສາມາດຂະຫຍາຍເວລາຮຽນ ແລະ ໄດ້ຮັບ ທຶນເພີ່ມຕື່ມອີກ 12 ເດືອນ. ຖ້າກາຍເວລາດັ່ງກ່າວ ນັກຮຽນຕ້ອງຮັບຜິດຊອບທຸກຄ່າໃຊ້ຈ່າຍເອງໝົດ.

8. ນັກສຶກສາລາວລະດັບປະລິນຍາຕີ, ປະລິນຍາຕີໂທ, ປະລິນຍາເອກ.

- ສຳລັບຂະແໜງສິລະປະກຳ, ເຕັກນິກ, ສະຖາປັດ, ວິຈິດສິນ, ກາຍະສິນ ແລະ ກິລາ ຕ້ອງຜ່ານການກວດກາດ້ານພອນສະຫວັນ ໂດຍກະຊວງສຶກສາທິການ ແລະ ກິລາ ເປັນຜູ້ຈັດຕັ້ງ.

- ພາຍຫຼັງສຳເລັດການກຽມພາສາຫວຽດ, ນັກສຶກສາລາວຕ້ອງເສັງກວດລະດັບພາສາຫວຽດຖ້າເສັງຜ່ານ (ຜ່ານລະດັບພາສາຫວຽດຂັ້ນ 4 ຂຶ້ນໄປຕາມຂັ້ນລະດັບພາສາຫວຽດສຳລັບຄົນຕ່າງປະເທດ) ຈະໄດ້ເຂົ້າຮຽນ ວິຊາສະເພາະຢູ່ສະຖານການສຶກສາຂອງຫວຽດນາມ ກໍລະນີທີ່ເສັງບໍ່ຜ່ານ ນັກສຶກສາມີສິດຮຽນຄືນອີກບໍ່ກາຍ 12 ເດືອນ ແຕ່ຕ້ອງຮັບຜິດຊອບທຸກຄ່າໃຊ້ຈ່າຍດ້ວຍຕົນເອງ.

- ນັກສຶກສາລະດັບປະລິນຍາຕີ ທຶນລັດຖະບານ ສາມາດແກ່ຍາວເວລາຮຽນ ແລະ ໄດ້ຮັບທຶນເພີ່ມອີກ 12 ເດືອນ.

- ນັກສຶກສາລະດັບປະລິນຍາໂທ ທຶນລັດຖະບານ ສາມາດແກ່ຍາວເວລາຮຽນ ແລະ ໄດ້ຮັບທຶນເພີ່ມອີກ 06 ເດືອນ.

- ນັກສຶກສາລະດັບປະລິນຍາເອກ ທຶນລັດຖະບານ ສາມາດແກ່ຍາວເວລາຮຽນ ແລະ ໄດ້ຮັບທຶນເພີ່ມ ອີກ 12 ເດືອນ.

ມາດຕາ 8
ເງື່ອນໄຂການສຶກສາສຳລັບນັກສຶກສາຫວຽດນາມ

1. ນັກສຶກສາຫວຽດນາມ ທີ່ມາຮຽນຢູ່ລາວ ຕ້ອງຮຽນດ້ວຍພາສາລາວ. ຖ້າບໍ່ຮູ້ພາສາລາວຕ້ອງຮຽນກຽມພາສາລາວ 01 ປີ ທີ່ລາວ. ນັກສຶກສາທຶນລັດຖະບານແມ່ນນຳໃຊ້ງົບປະມານຂອງລັດຖະບານລາວ ແລະ ໄດ້ຮັບເງິນໃຊ້ຈ່າຍຊີວິດປະຈຳວັນ, ຄ່າເດີນທາງໄປ-ກັບຈາກລັດຖະບານຫວຽດນາມຕາມການກ□ານົດ.

2. ນັກສຶກສາຫວຽດນາມຫຼັງຈາກທີ່ຮຽນກຽມພາສາລາວສຳເລັດແລ້ວ (ໄດ້ຄະແນນສະເລ່ຍແຕ່ 3 ຂຶ້ນໄປ ຕາມເກດຄະແນນ 4 ຂອງລາວ) ຈະໄດ້ເຂົ້າຮຽນວິຊາສະເພາະຢູ່ສະຖາບັນການສຶກສາຂອງລາວ. ໃນກໍລະນີເສັ້ງ ລະດັບພາສາລາວບໍ່ຜ່ານ, ນັກສຶກສາສາມາດຂະຫຍາຍເວລາຮຽນໄດ້ 12 ເດືອນ ແລະ ຕ້ອງຮັບຜິດຊອບຄ່າໃຊ້ ຈ່າຍດ້ວຍຕົນເອງໃນໄລຍະຮຽນຄືນ.

3. ໃນໄລຍະການກໍ່ສ້າງ, ບັນດາສະຖາບັນການສຶກສາຕ້ອງສ້າງຫຼັກສູດບ□າລຸງຄວາມຮູ້ດ້ານພາສາລາວລົງ ເລິກວິຊາສະເພາະໃຫ້ແກ່ນັກສຶກສາຫວຽດນາມ.

4. ນັກສຶກສາຫວຽດນາມ ຕ້ອງຮຽນທຸກວິຊາຮຽນທີ່ມີໃນຫຼັກສູດລວມຂອງບັນດາສະຖາບັນການສຶກສາ ຂອງລາວ (ຍົກເວັ້ນວິຊາການທະຫານ).

ມາດຕາ 9
ສິດຜົນປະໂຫຍດ ແລະ ພັນທະຂອງນັກສຶກສາ

1. ນັກສຶກສາລາວທີ່ຮຽນຢູ່ ສສ. ຫວຽດນາມ ແລະ ນັກສຶກສາຫວຽດນາມ ທີ່ຮຽນຢູ່ ສປປ ລາວ ໄດ້ຮັບ ສິດຜົນປະໂຫຍດດັ່ງນີ້:

- ຄວາມສະເໝີພາບໃນການສຶກສາຮຽນຮູ້ ຄືກັນກັບນັກສຶກສາປະເທດເຈົ້າພາບ ຍົກເວັ້ນວິຊາການ ທະຫານ.
- ສາມາດເຂົ້າຮ່ວມປະກອບສ່ວນທຸກການເຄື່ອນໄຫວ ທີ່ຊອບທຳຕາມກົດລະບຽບຂອງປະເທດທີ່ຕົນ ຮຽນຢູ່.
- ນັກສຶກສາໄດ້ຮັບສິດຕາມຂໍ້ກຳນົດປັດຈຸບັນຂອງປະເທດທີ່ຕົນຮຽນຢູ່.

2. ພັນທະຂອງນັກສຶກສາລາວ ແລະ ນັກສຶກສາຫວຽດນາມ:

- ຕ້ອງລົງທະບຽນອອນລາຍ (Online) ຕາມລະບົບການຄຸ້ມຄອງຂອງກະຊວງສຶກສາສອງປະເທດ ໃນ ເວລາ 3 ເດືອນ ນັບແຕ່ມື້ເຂົ້າຮຽນ.
- ປະຕິບັດກົດໝາຍ ແລະ ຮີດຄອງປະເພນີຕ່າງໆຂອງປະເທດເຈົ້າພາບໃຫ້ເຂັ້ມງວດ.
- ປະຕິບັດບັນດາຂໍ້ກຳນົດກົດລະບຽບຂອງສະຖາບັນການສຶກສາຢ່າງເຂັ້ມງວດ.
- ປະຕິບັດກົດລະບຽບຂອງຫໍພັກ ແລະ ສະຖານທີ່ພັກເຊົ່າຢ່າງເຂັ້ມງວດ
- ມີໜ້າທີ່ປະກອບສ່ວນ ເພີ່ມທະວີຄວາມສາມັກຄີອັນຍິ່ງໃຫຍ່, ສາມັກຄີແບບພິເສດ, ຮ່ວມມື ຮອບດ້ານລາວ-ຫວຽດນາມ ແລະ ຄວາມສາມັກຄີສາກົນ.

ມາດຕາ 10
ບາງຂໍ້ກຳນົດອື່ນໆ

1. ສອງຝ່າຍ ເປັນເອກະພາບນຳເອົາວິຊາປະຫວັດສາດສາຍພົວພັນ ລາວ-ຫວຽດນາມ, ຫວຽດນາມ-ລາວ ເປັນວິຊາຮຽນ (ຫຼື ວິຊາເລືອກ) ຫຼື ຮຽນຕາມຫົວຂໍ້ ຫຼື/ແລະ ຜ່ານການທັດສະນະສຶກສາ ຢູ່ສະຖາບັນການສຶກ ສາຂອງຫວຽດນາມ ແລະ ລາວ.

2. ສອງຝ່າຍ ສືບຕໍ່ລົງທຶນກໍ່ສ້າງພື້ນຖານໂຄງລ່າງ, ຮັບໃຊ້ການຮຽນ ແລະ ການດ□າລົງຊີວິດຂອງນັກສຶກສາ ໃຫ້ແທດເໝາະກັບຄວາມສາມາດດ້ານງົບປະມານຂອງແຕ່ລະປະເທດ.

3. ສອງຝ່າຍ ເປັນເອກະພາບສືບຕໍ່ສົ່ງຄູຫວຽດນາມມາສອນພາສາຫວຽດໃຫ້ພະນັກງານຂອງບັນດາກະຊວງ, ຂະແໜງການ ແລະ ນັກຮຽນ, ນັກສຶກສາ ຢູ່ບັນດາສະຖານສຶກສາຂອງລາວ. ຝ່າຍລາວ ເປັນເຈົ້າການສົມທົບກັບຝ່າຍຫວຽດນາມ ໃນການກໍ່ສ້າງຄູສອນພາສາຫວຽດຂອງລາວເພື່ອປ່ຽນແທນຄູຫວຽດນາມເທື່ອລະກ້າວ.

4. ສອງຝ່າຍ ສືບຕໍ່ຜັນຂະຫຍາຍໂຄງການສອນສອງພາສາລາວ-ຫວຽດນາມ ທີ່ໂຮງຮຽນສອງພາສາຫງວຽນຢູ ນະຄອນຫຼວງວຽງຈັນ ພ້ອມທັງໂຮງຮຽນສາມັນອື່ນໆບ່ອນທີ່ມີຄວາມຕ້ອງການ ແລະ ມີເງື່ອນໄຂໃນການປະຕິບັດ.

5. ສອງຝ່າຍ ເຫັນດີຖືເອົາວິຊາພາສາຫວຽດເປັນວິຊາພາສາຕ່າງປະເທດທາງເລືອກທີສອງ, ໄດ້ຮັບການຈັດຕັ້ງການຮຽນ-ການສອນຕາມຄວາມເໝາະສົມ ແລະ ຕາມເງື່ອນໄຂຕົວຈິງຂອງສະຖານການສຶກສາ, ພິຈາລະນາເທື່ອລະກ້າວໃນການນຳເອົາວິຊາພາສາຫວຽດເປັນວິຊາສອບເສັງຈົບຊັ້ນສາມັນເມື່ອມີເງື່ອນໄຂຄົບຖ້ວນໃນການປະຕິບັດ.

6. ສອງຝ່າຍ ເອກະພາບນຳໃຊ້ປຶ້ມສອນພາສາຫວຽດທີ່ ກະຊວງສຶກສາ ແລະ ກໍ່ສ້າງ ແຫ່ງ ສສ. ຫວຽດນາມ ຮຽບຮຽງໃນໄລຍະ 2017-2021 ຢູ່ບັນດາສະຖານການສຶກສາທີ່ສອນພາສາຫວຽດຢູ່ລາວ.

7. ສອງຝ່າຍ ເຫັນດີສ້າງເງື່ອນໄຂອຳນວຍຄວາມສະດວກ ໃຫ້ລູກຫຼານຊາວຫວຽດນາມຕ່າງດ້າວຢູ່ລາວ ຜູ້ທີ່ຄົບເງື່ອນໄຂໄດ້ໄປຮຽນທີ່ ສສ. ຫວຽດນາມ ຄືກັນກັບນັກສຶກສາລາວ.

ມາດຕາ 11
ການແກ້ໄຂຂໍ້ຂັດແຍ່ງ

ທຸກຂໍ້ຂັດແຍ່ງທີ່ເກີດຂຶ້ນໃນການຕີຄວາມໝາຍ ຫຼື ການປະຕິບັດສັນຍາສະບັບນີ້ ຈະຕ້ອງຖືກແກ້ໄຂແບບເພື່ອນມິດ ໂດຍຜ່ານການປຶກສາຫາລື ຫຼື ເຈລະຈາ ລະຫວ່າງ ຄູ່ສັນຍາ.

ມາດຕາ 12
ບົດບັນຍັດສຸດທ້າຍ

1. ອະນຸສັນຍາສະບັບນີ້ ມີຜົນບັງຄັບໃຊ້ເປັນເວລາ 5 ປີ ນັບແຕ່ມື້ລົງລາຍເຊັນເປັນຕົ້ນໄປ, ສາມາດດັດແກ້, ເພີ່ມເຕີມຕາມການຕົກລົງຂອງສອງຝ່າຍ. ເອກະສານດັດແກ້ເພີ່ມເຕີມດັ່ງກ່າວ ແມ່ນສ່ວນໜຶ່ງຂອງອະນຸສັນຍາສະບັບນີ້.

2. ກໍລະນີອະນຸສັນຍາໝົດກຳນົດ, ບັນດາກິດຈະກຳການຮ່ວມມືທີ່ກຳລັງປະຕິບັດໃນຂອບອະນຸສັນຍາສະບັບນີ້ ສາມາດສືບຕໍ່ປະຕິບັດຈົນສຳເລັດກິດຈະກຳ.

3. ແຕ່ລະຝ່າຍສາມາດແຈ້ງຈຸດປະສົງກ່ຽວກັບການສິ້ນສຸດຜົນບັງຄັບໃຊ້ອະນຸສັນຍາ ດ້ວຍວິທີການແຈ້ງໃຫ້ອີກຝ່າຍໜຶ່ງຮັບຮູ້ດ້ວຍເອກະສານທາງການກ່ອນ 6 ເດືອນ.

4. ສ້າງຂຶ້ນທີ່ ນະຄອນຫຼວງວຽງຈັນ, ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ, ວັນທີ...11 ມັງກອນ 2023, ເປັນ 02 ສະບັບຕົ້ນ, ເປັນພາສາລາວ ແລະ ພາສາຫວຽດ, ທັງ 02 ສະບັບມີຄຸນຄ່າເທົ່າທຽມກັນ, ແຕ່ລະຝ່າຍຮັກສາ 01 ສະບັບ.

ຕາງໜ້າລັດຖະບານ ແຫ່ງ	**ຕາງໜ້າລັດຖະບານ ແຫ່ງ**
ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ	**ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ**
ຫງວຽນ ກີມ ເຊີນ	**ພຸດ ສີມມາລາວົງ**
ລັດຖະມົນຕີ, ກະຊວງສຶກສາ ແລະ ກໍ່ສ້າງ	**ລັດຖະມົນຕີ, ກະຊວງສຶກສາທິການ ແລະ ກິລາ**